

Số: 1201/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-ĐHNT ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc kiện toàn Hội đồng và Ban Thư ký phát triển chương trình đào tạo, các Tiểu ban liên ngành và Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Quản lý thủy sản**, mã số: 7620305.

Điều 2. Giao Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Chương trình đào tạo này áp dụng từ Khóa 63.

Điều 4. Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nlm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐTDH.

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: QUẢN LÝ THỦY SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-ĐHNT ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

a) Đơn vị được giao quản lý	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
b) Tên chương trình	Quản lý thủy sản
c) Ngành đào tạo	Quản lý thủy sản
d) Mã số ngành đào tạo	7620305
e) Trình độ đào tạo	Đại học
f) Hình thức đào tạo	Chính quy
g) Thời gian đào tạo	4 năm
h) Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
i) Tên văn bằng sau tốt nghiệp	Cử nhân Quản lý thủy sản
j) Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	11/2021

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

PEO1: Có trí thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

PEO2: Có kiến thức về khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, thương mại và dịch vụ nghề cá; nghề cá bền vững; chính sách nghề cá hiện hành;

PEO3: Có kỹ năng điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, có khả năng thống kê nghề cá; thực hiện nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hoạt động nghề cá; có năng lực tổ chức thanh tra thủy sản, thanh tra chuyên ngành;

PEO4: Có đủ năng lực tham gia xây dựng các chính sách trong lĩnh vực quản lý nghề cá; quản lý chuỗi cung ứng dịch vụ hậu cần nghề cá; tham gia công tác Khuyến ngư và Tư vấn dịch vụ nghề cá; có năng lực tham gia các hợp tác Quốc tế về nghề cá; Có kỹ năng làm việc và giải quyết các vấn đề khác có liên quan tới lĩnh vực quản lý thủy sản.

2.2. Ma trận tương thích giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) với mục tiêu giáo dục của Nhà trường (EOs)

Mục tiêu giáo dục của Trường (EOs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)			
	1	2	3	4
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe	x			x
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp	x	x	x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp		x	x	
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ		x	x	
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp	x		x	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Quản lý thủy sản, người học có khả năng:

- PLO1: Có lập trường chính trị tư tưởng, biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân;
- PLO2: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành đào tạo;
- PLO3: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời; đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản để tiếp cận giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn;
- PLO4: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành về môi trường biển, ngư trường và nguồn lợi thủy sản để thực hiện các hoạt động quản lý thủy sản;
- PLO5: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá hiện trạng quản lý nghề cá nhằm xây dựng các qui hoạch và chính sách nghề cá; thiết kế kịch bản bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản;
- PLO6: Vận dụng các kiến thức chuyên môn công tác quản lý tàu thuyền nghề cá, công nghệ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản; bảo quản và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; chuỗi cung ứng các sản phẩm thủy sản; thương mại và dịch vụ hậu cần nghề cá; thực thi các chính sách và pháp luật về thủy sản; khuyến ngư và tư vấn các dịch vụ nghề cá khác;
- PLO7: Có tư duy sáng tạo và phản biện; biết giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử và đa truyền thông, biết cách thuyết trình trước cộng đồng; biết tổ chức tư vấn độc lập và làm việc nhóm trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng nghiên cứu, quản lý và giám sát nghề cá theo hướng bền vững;
- PLO8: Vận dụng các kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản; ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin vào nghiên cứu đánh giá nguồn lợi, dự báo ngư trường, quản lý thủy sản (giám sát nghề cá, thống kê nghề cá, quản lý tàu cá...);
- PLO9: Giải quyết một số vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn: Quản lý nghề cá trong phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;

10 . LO10: Tư vấn và tham gia xây dựng các tiêu chuẩn ngành trong lĩnh vực quản lý nghề cá, xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động thủy sản, theo dõi – kiểm tra – giám sát tàu cá; tham gia xây dựng, ứng dụng các mô hình quản lý nghề cá phù hợp trong phạm vi quản lý.

3.2. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra - PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	x	x	x	x	x				x	
2				x	x	x	x	x		x
3				x	x	x	x	x	x	x
4			x					x		

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Quản lý thủy sản có thể đảm nhiệm các vị trí tại các cơ quan, đơn vị như sau:

1. Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản nói riêng và nông nghiệp nói chung như: Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và PTNT, các Chi cục Thủy sản, các tỉnh, thành phố trong cả nước, các phòng ban về nông nghiệp / thủy sản cấp huyện, xã trong cả nước;

2. Nghiên cứu viên tại các cơ quan khoa học, đào tạo và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực thủy sản như: các trường đại học, viện nghiên cứu, các trung tâm chuyển giao khoa học công nghệ về thủy sản, trung tâm khuyến nông – khuyến ngư trong cả nước;

1. Cán bộ, chuyên viên tại các công ty, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản như: công ty cung cấp thiết bị, công nghệ trong lĩnh vực thủy sản, các doanh nghiệp chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản, các công ty thức ăn, thuốc thú y thủy sản trong cả nước;

2. Cán bộ, chuyên viên làm việc tại các tổ chức hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ khác về nguồn lợi thủy sản và môi trường biển.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	- Hình thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT và các hình thức khác - Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước - Đối tượng tuyển sinh: thí sinh tốt nghiệp THPT
Điều kiện nhập học	Thí sinh đủ các điều kiện xét tuyển vào trường theo quy định hiện hành.
Quy định đào tạo	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn
Điều kiện tốt nghiệp	Chi tiết tại website: www.ntu.edu.vn

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Cấu trúc chương trình	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
		Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Tín chỉ	Tỷ lệ %
I	Nội dung giáo dục tổng quát	55	37,4	48	32,6	7	4,8
1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật	20	13,6	18	12,2	2	1,4
2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường	16	10,9	12	8,2	4	2,7
3	Ngoại ngữ	8	5,4	8	5,4	0	0,0
4	Thể chất và Quốc phòng – An ninh	11	7,5	10	6,8	1	0,7
II	Nội dung giáo dục chuyên nghiệp	92	62,6	80	54,4	12	8,2
1	Cơ sở ngành	36	24,5	30	20,4	6	4,1
2	Ngành	46	31,3	40	27,2	6	4,1
3	Tốt nghiệp	10	6,8	10	6,8	0	0,0
	Tổng cộng	147	100	128	87,0	19	13,0

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bố từng học kỳ							
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			147				15	17	14	17	16	17	14	10
							-	3*	5*	5*	3*	3*	-	-
I	Giáo dục tổng quát		55											
I.1	Xã hội, Nhân văn và Nghệ thuật		20											
Các HP bắt buộc			18				3	5	4	4	2			
01	POL307	Triết học Mác - Lênin	3	45			3							
02	POL309	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		1			2					
03	POL308	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		1			2					
04	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		2,3				2				
05	POL310	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		2,3			2					
06	SSH313	Pháp luật đại cương	2	30				2						
07	SSH378	Tư duy phản biện	3	45				3						
08	SSH379	Ngôn ngữ học thuật	2	30						2				
Các HP tự chọn (Chọn 1 trong 2 HP sau (2TC))			2							2*				
09	SSH383	Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	2	30						2*				
10	BUA319	Nhập môn Quản trị học	2	30						2*				
I.2	Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và Môi trường		16											
Các HP bắt buộc			12				6	3	3					
11	MAT327	Toán 1	3	45			3							

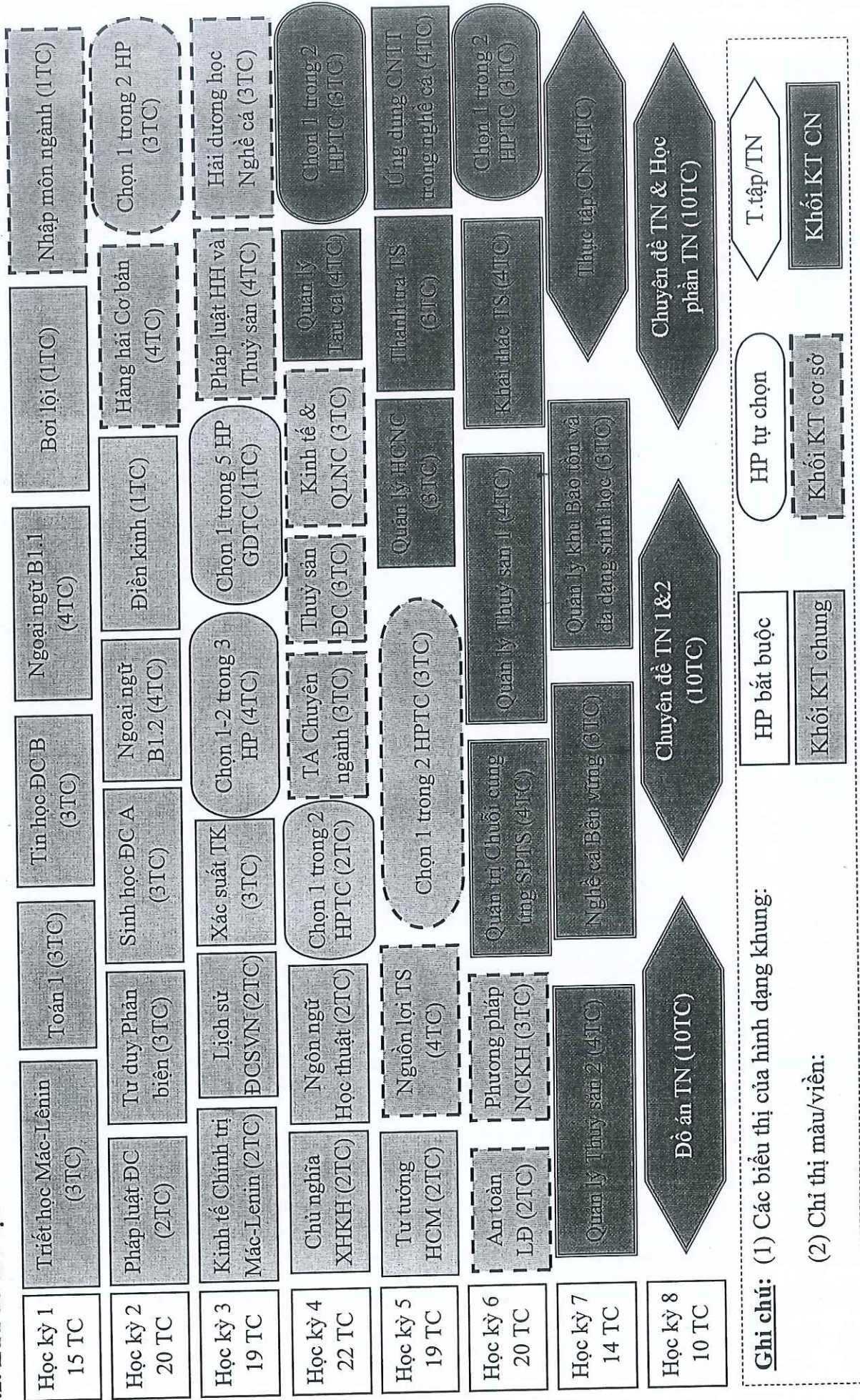
TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bố từng học kỳ													
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8						
12	MAT322	Xác suất - Thống kê	3	45		11			3											
13	BIO320	Sinh học đại cương A	3	30	15			3												
14	SOT382	Tin học đại cương B (LT+TH)	3	15	30		3													
Các HP tự chọn (chọn 1-2 HP trong 4 HP)			4							4*										
15	PHY310	Vật lý đại cương 1	3	45						3*										
15	PHY311	Thực hành Vật lý đại cương 1	1		15					1*										
16	BUA319	Nhập môn Kinh tế học	2	30						2*										
17	MKT372	Nhập môn Marketing	2	30						2*										
I.3	Ngoại ngữ		8					4	4											
18		Ngoại ngữ B1.1	4	60				4												
19		Ngoại ngữ B1.2	4	60		18		4												
I.4	Thể chất và Quốc phòng - An ninh		11																	
Các HP bắt buộc			10					1	1											
20	QPAD011	Đường lối QP&AN của ĐCSVN	3	45				8 ¹												
21	QPAD02	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30																
22	QPAD033	Quân sự chung	1	15																
23	QPAD044	KT chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	10	20															
24	85066	Bơi lội	1	5	10			1												
25	85065	Điền kinh	1	5	10				1											
Các HP tự chọn (Chọn 1 trong 5 HP)			1							1*										
26	85097	Bóng đá	1	5	10					1*										
29	85098	Bóng chuyền	1	5	10					1*										
27	85105	Cầu lông	1	5	10					1*										
28	85108	Taekwondo	1	5	10					1*										
30	851111	Aerobic	1	5	10					1*										
II	Giáo dục chuyên nghiệp		92																	
II.1	Cơ sở ngành		36																	
Các HP bắt buộc			30					1	4	7	9	4	5							
31		Nhập môn ngành	1	15				1												
32		Thủy sản đại cương	3	45							3									
33		Hàng hải cơ bản	4	60					4											
34		Nguồn lợi thủy sản	4	60								4								
35		Pháp luật hàng hải và Thủy sản	4	60						4										
36		Phương pháp nghiên cứu khoa học cho nghề cá	3	45										3						
37		Hải dương học nghề cá	3	45						3										
38		Kinh tế và quản lý nghề cá	3	45							3									
39		An toàn lao động	2	30										2						

¹ Nhóm học phần QP-AN được bố trí học tập trung thời gian ngắn từ học kỳ 1 - 4 (không tính vào số tín chỉ từng học kỳ).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân bố thời lượng		HP tiên quyết	Phân bố từng học kỳ								
				LT	TH		1	2	3	4	5	6	7	8	
40		Tiếng Anh chuyên ngành	3	45		19				3					
Các HP tự chọn (Chọn 2 trong 4 HP)			6					3*			3*				
41		Quản lý chất lượng và an toàn VSTP thủy sản	3	45							3*				
42		Máy điện Hàng hải	3	45							3*				
43		Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nghề cá	3	45				3*							
44		Vật liệu và công nghệ chế tạo ngư cụ	3	45				3*							
II.2 Ngành			46												
Các HP bắt buộc			40							4	10	12	14		
45		Quản lý tàu cá	4	60						4					
46		Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề cá	4	60		14					4				
47		Khai thác thủy sản	4	60								4			
48		Quản lý thủy sản 1	4	60								4			
49		Quản lý thủy sản 2	4	60									4		
50		Thực tập chuyên ngành	4		60	48								4	
51		Nghề cá bền vững	3	45		47								3	
52		Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	3	45								3			
53		Quản lý hậu cần nghề cá	3	45								3			
54		Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	4	60									4		
55		Quản lý khu bảo tồn và đa dạng sinh học	3	45										3	
Các HP tự chọn (Chọn 2 trong 4 HP)			6								3*		3*		
56		Khuyến ngư	3	45							3*				
57		Quản trị Doanh nghiệp Thủy sản	3	45									3*		
58		Hợp tác Quốc tế trong nghề cá	3	45							3*				
59		Bảo quản sản phẩm trên tàu cá	3	45									3*		
II.3 Tốt nghiệp			10												10
Phương án 1: Đồ án tốt nghiệp															10
60		Đồ án tốt nghiệp	10												10
Phương án 2: 02 Chuyên đề tốt nghiệp															10
61		Chuyên đề tốt nghiệp 1	5												5
62		Chuyên đề tốt nghiệp 2	5												5
Phương án 3: Chuyên đề TN và Học phần TN															10
63		Chuyên đề tốt nghiệp	5												5
64		Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng	2	30											2
65		Quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái	3	45											3

Ghi chú: Các tín chỉ có dấu "*" là của HP tự chọn.

7.2. Lưu đồ đào tạo



TT	Tên Học phần	Số TC	Mức tương thích với chuẩn đầu ra (PLOs)										Tổng số
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
31	Nhập môn ngành	1				I	I	I	I		I	I	6I
32	Thủy sản Đại cương	3				I	I	I	I		I	I	6I
33	Hàng hải cơ bản	4				I	I	I	R			I	4I+1R
34	Nguồn lợi thủy sản	4				M	I	R				I	2I+1R+1M
35	Pháp luật hàng hải và Thủy sản	4					I	I	I		I	R	4I+1R
36	Phương pháp nghiên cứu khoa học cho nghề cá	3					I	I	R		I		3I+1R
37	Hải dương học nghề cá	3				M	I	I	I			I	4I+1M
38	Kinh tế và quản lý nghề cá	3					I	I	I			I	4I
39	An toàn lao động	2					I	I	I			R	3I+1R
40	Tiếng Anh chuyên ngành	3			M						I	I	2I+1M
41	Quản lý chất lượng và an toàn VSTP thủy sản	3				x	x	x					x
42	Máy điện Hàng hải	3				x	x	x				x	x
43	Thích ứng với biến đổi khí hậu trong nghề cá	3				x	x	x			x	x	x
44	Vật liệu và Công nghệ chế tạo ngư cụ	3				x	x	x	x			x	x
II.2 Chuyên ngành													
45	Quản lý tàu cá	4						M	R			R	2R+1M
46	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề cá	4			R					M		R	2R+1M
47	Khai thác thủy sản	4				M	M	M				R	1R+3M
48	Quản lý thủy sản 1 (NTTS + CBTS)	4				M	M	M	M			R	1R+4M
49	Quản lý thủy sản 2 (QL KTTS + MCS + QH)	4				M	M	M	M			M	5M
50	Thực tập chuyên ngành	4				M	M	M	M	M	M	M	7M
51	Nghề cá bền vững	3				R	M	M				R	3R+2M
52	Thanh tra thủy sản và nghiệp vụ kiểm ngư	3				R	R	M				R	3R+1M
53	Quản lý hậu cần nghề cá	3				R	R	M				R	3R+1M
54	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản	4				R	R	R				R	4R
55	Quản lý khu Bảo tồn và đa dạng sinh học	3				R	R	R	M	R	R	M	5R+2M
56	Khuyến ngư	3				x	x	x					x
57	Quản trị Doanh nghiệp Thủy sản	3				x	x	x	x			x	x
58	Hợp tác Quốc tế trong nghề cá	3				x	x	x			x		x
59	Bảo quản sản phẩm trên tàu cá	3				x	x	x				x	x
II.3 Tốt nghiệp													
Tổng số			8M	8I+ 2R+ 3M	1R+ 6M	3I+ 5R+ 7M	9I+ 4R+ 6M	8I+ 3R+ 9M	6I+ 3R+ 5M	1R+ 3M	5I+ 2R+ 2M	7I+ 10R+ 4M	
Chuẩn đầu ra			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

7.4. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Nha Trang.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VÀ TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức 3 học kỳ, bao gồm hai học kỳ chính và một học kỳ phụ (học kỳ hè).

Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học và Cố vấn học tập tư vấn sinh viên đăng ký các học phần bắt buộc và lựa chọn các học phần tự chọn phù hợp.

IX. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ SINH VIÊN

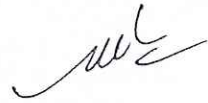
Trong quá trình thực hiện khoá học, sinh viên được hỗ trợ nhiều hoạt động từ Khoa/Viện, Bộ môn và Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp & Hỗ trợ sinh viên, cụ thể:

- Tham quan thực tế tại cơ sở sản xuất ngay sau khi nhập học;
- Ở ký túc xá nếu sinh viên có nhu cầu;
- Mượn và đọc tài liệu miễn phí; sử dụng wifi miễn phí trong toàn trường;
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động Đoàn thanh niên và Hội sinh viên tổ chức; các CLB chuyên môn, kỹ năng mềm;
- Được sử dụng các dịch vụ khác nước uống, căn tin, y tế,...

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


Trần Đức Phú

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



Nguyễn Lâm Anh

HIỆU TRƯỞNG



Trương Sĩ Trung

HĐ PHÁT TRIỂN CTĐT


Quách Hoài Nam